



Số: 29/CBTT-TBĐ

TP. HCM, ngày 17 tháng 08 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

- Tên tổ chức : Công ty cổ phần Thiết bị điện.
  - Mã chứng khoán : THI.
  - Địa chỉ trụ sở chính : Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai.
  - Điện thoại : (84-251) 3836 443/ 3836 609.
  - Fax : (84-251) 3836 070.
- Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính Hợp nhất, Báo cáo tài chính Riêng giữa niên độ đã soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 17.. tháng 08 năm 2021 theo đường dẫn: <https://thibidi.com>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**\* Tài liệu đính kèm:**

BCTC Hợp nhất, Riêng bán niên  
năm 2021 đã soát xét.

**Người đại diện theo pháp luật/  
Người được ủy quyền công bố thông tin  
Tổng Giám Đốc**



**Phan Ngọc Thảo**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN**  
*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**MỤC LỤC**

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 37

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN**

Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 9, Phường An Bình,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị Điện (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch
Ông Phan Ngọc Thảo	Thành viên
Ông Lê Quang Định	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Vinh	Thành viên độc lập
Ông Nguyễn Trần Đăng Phước	Thành viên độc lập

##### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Phan Ngọc Thảo	Tổng Giám đốc
Ông Cao Hoàng Phát	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Bích	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Mỹ	Phó Tổng Giám đốc

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN**  
Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 9, Phường An Bình,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và Đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phan Ngọc Thảo  
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2021

Số: 0218 /VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thiết bị Điện (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12 tháng 8 năm 2021, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### *Kết luận của Kiểm toán viên*

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 đã được soát xét bởi một công ty kiểm toán độc lập khác với báo cáo soát xét đề ngày 18 tháng 8 năm 2020 đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác với báo cáo kiểm toán đề ngày 19 tháng 3 năm 2021 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Phạm Hoài Nam

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0042-2018-001-1

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 12 tháng 8 năm 2021

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>2.181.620.002.095</b>	<b>1.748.096.671.681</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>180.478.342.141</b>	<b>200.161.990.758</b>
1. Tiền	111		180.478.342.141	80.161.990.758
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	120.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>-</b>	<b>154.526.626.500</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	154.526.626.500
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.024.541.878.056</b>	<b>890.239.694.612</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	282.413.595.647	167.866.927.452
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	72.651.703.863	37.232.083.217
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	676.971.081.421	693.987.749.051
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(8.847.065.108)	(8.847.065.108)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.352.562.233	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>951.266.594.418</b>	<b>494.228.815.914</b>
1. Hàng tồn kho	141		951.266.594.418	497.433.683.041
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(3.204.867.127)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>25.333.187.480</b>	<b>8.939.543.897</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	2.419.374.983	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		17.991.126.112	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	4.922.686.385	8.939.543.897
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>955.115.084.051</b>	<b>989.455.989.809</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>506.775.000</b>	<b>506.775.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	506.775.000	506.775.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>90.691.824.103</b>	<b>86.552.164.676</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	89.190.998.651	84.821.371.931
- Nguyên giá	222		357.406.266.707	340.776.121.827
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(268.215.268.056)	(255.954.749.896)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	1.500.825.452	1.730.792.745
- Nguyên giá	228		4.082.365.725	4.082.365.725
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.581.540.273)	(2.351.572.980)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>14</b>	<b>33.676.052.254</b>	<b>24.284.026.456</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		33.676.052.254	24.284.026.456
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>15</b>	<b>751.016.259.645</b>	<b>751.016.259.645</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		285.469.200.000	285.469.200.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		465.547.059.645	465.547.059.645
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>79.224.173.049</b>	<b>127.096.764.032</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	76.942.426.341	125.675.988.158
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	2.281.746.708	1.420.775.874
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270=100+200)	<b>270</b>		<b>3.136.735.086.146</b>	<b>2.737.552.661.490</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.896.214.659.886</b>	<b>1.539.339.324.076</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.896.214.659.886</b>	<b>1.212.120.409.933</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	559.694.247.675	328.919.680.129
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	139.238.493.237	45.857.660.422
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	5.441.887.247	4.129.225.127
4. Phải trả người lao động	314		26.416.131.136	42.568.846.813
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	9.939.661.617	23.810.296.525
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	3.407.673.145	3.703.152.224
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	1.125.013.571.626	739.132.840.390
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	23	17.319.552.388	18.416.779.573
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		9.743.441.815	5.581.928.730
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>327.218.914.143</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	24	-	327.218.914.143
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.240.520.426.260</b>	<b>1.198.213.337.414</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>25</b>	<b>1.240.520.426.260</b>	<b>1.198.213.337.414</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		488.000.000.000	488.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		488.000.000.000	488.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		355.386.860.247	355.386.860.247
3. Cổ phiếu quỹ	415		(224.441.613.184)	(224.441.613.184)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		72.362.153.403	72.362.153.403
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		549.213.025.794	506.905.936.948
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		498.432.048.206	359.233.376.607
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		50.780.977.588	147.672.560.341
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440=300+400)	<b>440</b>		<b>3.136.735.086.146</b>	<b>2.737.552.661.490</b>



Nguyễn Thị Thùy Nhung  
 Người lập biểu

Nguyễn Văn Hiếu  
 Kế toán trưởng

Phan Ngọc Thảo  
 Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	939.092.101.883	945.903.930.818
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		939.092.101.883	945.903.930.818
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	29	797.887.068.255	788.305.984.833
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		141.205.033.628	157.597.945.985
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	1.741.736.846	653.751.984
6. Chi phí tài chính	22	32	34.482.101.877	47.691.889.209
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		32.883.786.675	46.430.270.024
7. Chi phí bán hàng	25	33	35.961.576.113	27.706.457.588
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	35.200.402.028	31.125.783.735
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		37.302.690.456	51.727.567.437
10. Thu nhập khác	31	34	26.869.492.958	432.152.795
11. Chi phí khác	32		9.527.274	288.613.822
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		26.859.965.684	143.538.973
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		64.162.656.140	51.871.106.410
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	35	14.242.649.386	5.412.812.408
15. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	35	(860.970.834)	3.405.323.034
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		50.780.972.588	43.052.970.968



Nguyễn Thị Thùy Nhung  
 Người lập biểu

Nguyễn Văn Hiếu  
 Kế toán trưởng

Phan Ngọc Thảo  
 Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2021

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>64.162.656.140</b>	<b>51.871.106.410</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	12.490.485.453	10.869.722.806
Các khoản dự phòng	03	(4.302.094.312)	(747.899.275)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(276.072.280)	(934.585.725)
Chi phí lãi vay và phát hành trái phiếu	06	34.075.680.615	46.430.270.024
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>106.150.655.616</b>	<b>107.488.614.240</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	(148.276.452.044)	(6.781.210.821)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(453.832.911.377)	33.123.428.731
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	288.352.133.982	79.269.847.823
Thay đổi chi phí trả trước	12	44.746.467.775	725.940.621
Thay đổi chứng khoán kinh doanh	13	154.526.626.500	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(40.306.149.726)	(50.357.873.817)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(11.458.519.493)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.312.375.657)	(1.571.281.863)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(52.952.004.931)</b>	<b>150.438.945.421</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(24.454.451.619)	(21.458.031.731)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	380.454.545
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	276.072.280	653.751.984
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(24.178.379.339)</b>	<b>(20.423.825.202)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	984.907.029.688	663.001.627.106
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(927.437.106.535)	(848.717.835.784)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(23.187.500)	(16.170.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>40</b>	<b>57.446.735.653</b>	<b>(185.732.378.678)</b>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(19.683.648.617)	(55.717.258.459)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	200.161.990.758	163.499.451.264
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	180.478.342.141	107.782.192.805

Nguyễn Thị Thùy Nhung  
Người lập biểu

Nguyễn Văn Hiếu  
Kế toán trưởng

Phan Ngọc Thảo  
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thiết bị Điện (gọi tắt là “Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa từ một doanh nghiệp Nhà nước – Công ty TNHH MTV Thiết bị Điện theo quyết định số 0466/QĐ-BCT ngày 5 tháng 9 năm 2007 của Bộ Công nghiệp, nay là Bộ Công thương. Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600253826 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 06 tháng 12 năm 2007 và các Giấy chứng nhận điều chỉnh.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, vốn điều lệ của Công ty là 488.000.000.000 VND, được chia thành 48.800.000 cổ phần phổ thông, mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000 VND. Từ ngày 14 tháng 4 năm 2017, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thiết bị Điện được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán THI. Từ ngày 24 tháng 5 năm 2021, cổ phiếu của Công ty được tạm thời chuyển sàn giao dịch từ Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh sang Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Công văn số 713/UBCK-PTTT ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban Chứng khoán.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Thiết bị điện Gelex. Công ty mẹ cấp cao nhất là Công ty Cổ phần Tập đoàn Gelex (trước đây là Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam).

Trụ sở chính của Công ty có địa chỉ tại Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 9, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 587 người (ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 613 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện;
- Sửa chữa thiết bị điện; Lắp đặt hệ thống điện; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

Hoạt động chính của Công ty là thiết kế, chế tạo, bán buôn, bán lẻ, các loại máy biến thế điện, các loại máy móc thiết bị điện cao áp, hạ áp và phụ tùng; và lắp đặt, thi công, thiết kế các công trình thiết bị điện và cho thuê văn phòng.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ hoạt động có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

***Di dời nhà máy từ Khu Công nghiệp Biên Hòa 1 sang Khu Công nghiệp Long Đức***

Công ty có kế hoạch di dời toàn bộ máy móc thiết bị tại nhà máy cũ tại Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai và sẽ xây dựng nhà máy mới tại Khu Công nghiệp Long Đức, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai trong khoảng cuối năm 2021. Theo kế hoạch, các máy móc thiết bị sẽ được di chuyển từng phần về nhà máy mới, đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất của Công ty.

***Covid-19***

Năm 2021, tình hình dịch Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp cả trong nước và ngoài nước, giãn cách xã hội, hạn chế đi lại làm ảnh hưởng chuỗi cung ứng, khiến cho chi phí đầu vào nguyên vật liệu gia tăng. Công ty đã đánh giá mức độ ảnh hưởng của Covid-19 đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, xây dựng các kịch bản, các giải pháp cho toàn bộ hệ thống và thực hiện các biện pháp đồng bộ ở từng khâu, đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng tin tưởng rằng Covid-19 ảnh hưởng không đáng kể đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong kỳ.

***Cấu trúc doanh nghiệp***

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có 01 công ty con và 01 công ty liên kết. Thông tin chi tiết về các công ty con và công ty liên kết của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 như sau:

Tên công ty con/ công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
<b>Công ty con</b> Công ty Cổ phần sản xuất Thiết bị điện Đông Anh ("MEE")	Thành phố Hà Nội	51,00	51,00	Kinh doanh máy móc, thiết bị điện
<b>Công ty liên kết</b> Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty Cổ phần ("TBD")	Thành phố Hà Nội	24,95	24,95	Kinh doanh máy móc, thiết bị điện, thiết kế công trình điện

***Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ***

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu của báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 bởi một công ty kiểm toán độc lập khác.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 bởi một công ty kiểm toán độc lập khác.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 để thu thập các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ.

**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

### Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư vào công ty con*

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

#### *Các khoản đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

#### *Chứng khoán kinh doanh*

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

#### *Nợ phải thu*

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### *Hàng tồn kho*

Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.



Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

#### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 7
Phương tiện vận tải	6 - 8
Thiết bị văn phòng	4 - 5

#### Tài sản cố định vô hình và hao mòn

##### *Phần mềm máy tính*

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích từ 4 - 5 năm.

##### *Các khoản trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và văn phòng, chi phí thuê máy chủ ảo và bảo trì hệ thống SAP và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất và văn phòng thể hiện số tiền thuê đất, cơ sở hạ tầng trên đất và văn phòng đã được trả trước. Tiền thuê đất và văn phòng trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê. Cụ thể các hợp đồng thuê như sau:

STT	Địa điểm thuê	Hình thức trả tiền thuê	Thời gian thuê (năm)
1	Khu Công nghiệp Long Đức	Một lần khi bắt đầu thuê đất	40
2	Khu Công nghiệp Biên Hòa 1	Hàng năm	50
3	Văn phòng đại diện tại số 55 Nam Kỳ Khởi nghĩa, Thành phố Hồ Chí Minh	Hàng năm	3

Chi phí thuê máy chủ ảo và bảo trì hệ thống SAP cụ thể gồm chi phí thuê máy chủ chạy hệ thống SAP và phí bảo trì bản quyền phần mềm SAP cho năm 2021 và được phân bổ trong vòng 1 năm theo thời hạn sử dụng vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và chi phí khác với khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty từ 01 năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### **Thuê tài sản**

Tất cả các khoản thuê tại Công ty được xem là thuê hoạt động.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

#### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **Dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

#### **Trái phiếu phát hành**

Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay dài hạn với giá phát hành bằng mệnh giá trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ bằng cách ghi tăng giá trị nợ gốc và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu.

#### **Ghi nhận doanh thu**

##### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ hoạt động được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Tiền mặt	4.494.774.581	653.841.849
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	175.983.567.560	79.508.148.909
Các khoản tương đương tiền	-	120.000.000.000
	<u>180.478.342.141</u>	<u>200.161.990.758</u>

#### 5. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, chứng khoán kinh doanh mà Công ty nắm giữ là 1.500 trái phiếu của Công ty Cổ phần Mua Bán Nợ Thế hệ mới, mệnh giá 100.000.000 VND/trái phiếu, được nhận chuyển nhượng lại từ Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ và Giáo dục Hải An, kỳ hạn 5 năm được hoàn trả vào ngày 28 tháng 8 năm 2025. Lãi suất trái phiếu cố định là 8%/năm. Trong kỳ hoạt động, Công ty đã bán lại và thu hết tiền thông qua chuyển khoản các trái phiếu này cho Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ và Giáo dục Hải An với số tiền lãi được ghi nhận là doanh thu tài chính là 1.454.279.849 VND.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>a. Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>		
Công ty TNHH Đầu Tư Long Đức	52.004.375.934	-
Công ty Điện Lực Quảng Ngãi	31.885.872.503	-
Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam	29.285.352.800	-
Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai	-	21.483.000.000
Tổng Công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh	-	13.668.910.788
Công ty TNHH Xây lắp và Đầu tư Phát triển	-	11.957.731.851
Thương mại 15-2		
Các khách hàng khác	144.923.188.656	73.125.036.821
	<b>258.098.789.893</b>	<b>120.234.679.460</b>
<b>b. Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 36)</i>	24.314.805.754	47.632.247.992
	<b>24.314.805.754</b>	<b>47.632.247.992</b>
<b>c. Tổng cộng (i)</b>	<b>282.413.595.647</b>	<b>167.866.927.452</b>

- (i) Như đã trình bày tại Thuyết minh số 22, tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty sử dụng quyền thu hồi các khoản phải thu tương đương với 5.000.000 USD để thế chấp cho khoản vay với Ngân hàng TNHH Chinatrust Commercial - Chi nhánh Hồ Chí Minh.

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>a. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần Xây dựng Kinex Việt Nam (i)	54.085.400.000	-
Wuxi Putian Iron Core	4.401.144.694	-
Công ty TNHH Phát triển Kỹ thuật Công nghệ FRA	3.170.475.396	10.633.590.792
Công ty Cổ phần Eco Năng lượng và Môi trường	-	4.271.748.294
Công ty Cổ phần Cơ Điện Đại Dũng	-	864.591.583
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	10.994.683.773	5.514.935.548
	<b>72.651.703.863</b>	<b>21.284.866.217</b>
<b>b. Trả trước cho người bán là bên liên quan</b> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 36)</i>	-	15.947.217.000
	-	<b>15.947.217.000</b>
<b>c. Tổng cộng</b>	<b>72.651.703.863</b>	<b>37.232.083.217</b>

- (i) Thể hiện khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Xây dựng Kinex Việt Nam liên quan đến việc xây dựng nhà máy mới và chi phí di dời máy móc thiết bị từ nhà máy cũ tại Khu Công nghiệp Biên Hòa 1 về Khu Công nghiệp Long Đức, tỉnh Đồng Nai theo Hợp đồng số 01/2021/HĐXD-THIBIDI-KNE

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Đặt cọc mua cổ phần (i)	627.675.503.000	627.675.503.000
Tạm ứng cho nhân viên	44.140.464.376	33.098.419.302
Ký quỹ	4.901.864.892	30.314.755.366
Thuế thu nhập cá nhân chi hộ chưa quyết toán	37.326.626	2.729.756.303
Phải thu khác	215.922.527	169.315.080
	<b>676.971.081.421</b>	<b>693.987.749.051</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Ký cược, ký quỹ dài hạn	506.775.000	506.775.000
	<b>506.775.000</b>	<b>506.775.000</b>
<b>Phải thu khác từ các bên liên quan</b> (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 36)	<b>1.100.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>

- (i) Phản ánh giá trị khoản đặt cọc cho các cá nhân theo Thỏa thuận đặt cọc ngày 14 tháng 6 năm 2019 liên quan đến việc chuyển nhượng 6.174.384 cổ phiếu (tương ứng với 21,85% vốn điều lệ) của Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty cổ phần. Công ty Cổ phần Tập đoàn Gelex - công ty mẹ cấp cao nhất đã dùng 3.424.000 cổ phần để làm tài sản thế chấp cho trái phiếu phát hành của công ty mẹ cấp cao nhất.

9. NỢ XẤU

	Số cuối kỳ VND			Số đầu kỳ VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Nguyễn Văn Lý	1.794.004.598	-	Trên 3 năm	1.794.004.598	-	Trên 3 năm
Xí Nghiệp Tư Doanh Tân Trường Sơn	1.573.903.338	-	Trên 3 năm	1.573.903.338	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH MTV Minh Vàng	1.305.726.571	-	Trên 3 năm	1.305.726.571	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Nam Tiến	1.020.334.270	-	Trên 3 năm	1.020.334.270	-	Trên 3 năm
Phải thu đối tượng khác	3.153.096.331	-	Trên 3 năm	3.153.096.331	-	Trên 3 năm
	<b>8.847.065.108</b>	<b>-</b>		<b>8.847.065.108</b>	<b>-</b>	

Dự phòng phải thu khó đòi được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư.

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ VND		Số đầu kỳ VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	130.966.401	-	27.599.464.544	-
Nguyên liệu, vật liệu	427.509.683.750	-	232.896.868.828	(3.204.867.127)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	221.800.028.936	-	105.452.471.799	-
Thành phẩm	279.747.155.331	-	127.870.654.370	-
Hàng hoá	22.078.760.000	-	3.614.223.500	-
<b>Tổng</b>	<b>951.266.594.418</b>	<b>-</b>	<b>497.433.683.041</b>	<b>(3.204.867.127)</b>

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được xác định bằng giá gốc trừ đi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 3.204.867.127 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: trích dự phòng 3.204.867.127 VND) liên quan đến việc thanh lý các hàng tồn kho đã được trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho các năm trước.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm các chi phí đã phát sinh liên quan đến các hợp đồng cung cấp, vận chuyển, lắp đặt trạm biến áp 110 KV dự án Nhà máy điện gió Hường Phùng 2, 3; Dự án nhà máy điện gió GELEX 1,2,3 và Dự án điện gió Hường Linh 7,8 ký kết với Công ty Cổ phần SCI E&C với số tiền là 94.672.189.672 VND. Dự án bắt đầu thực hiện từ tháng 4 năm 2021 và dự kiến hoàn thành trong quý 3 năm 2021.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 22, Công ty sử dụng toàn bộ giá trị hàng tồn kho của Công ty với số tiền là 951.266.594.418 VND để thế chấp cho khoản vay với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Khu Công nghiệp Biên Hòa (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 494.228.815.914 VND).

## 11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Chi phí thuê máy chủ ảo và bảo trì hệ thống SAP	1.282.892.172	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.136.482.811	-
	<b>2.419.374.983</b>	<b>-</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Tiền thuê đất và văn phòng (i)	76.291.363.736	124.905.077.394
Chi phí trả trước dài hạn khác	651.062.605	770.910.764
	<b>76.942.426.341</b>	<b>125.675.988.158</b>

- (i) Trong kỳ, Công ty đã chuyển nhượng lại một phần giá trị quyền sử dụng đất thuê tại Khu Công nghiệp Long Đức cho Công ty Dây đồng Việt Nam CFT – bên liên quan của Công ty theo Hợp đồng thỏa thuận ba bên giữa Công ty, Công ty Dây đồng Việt Nam CFT và Công ty TNHH Đầu tư Long Đức. Theo đó, Công ty nhượng lại 24.357,77 m<sup>2</sup> trên tổng diện tích 70.771 m<sup>2</sup> mà Công ty đã thuê ban đầu cho Công ty Dây đồng Việt Nam CFT. Như trình bày tại Thuyết minh số 34, lợi nhuận từ việc chuyển nhượng được ghi nhận vào khoản mục Thu nhập khác trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ với số tiền là khoảng 26 tỷ VND.

## 12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu kỳ	74.745.514.589	235.491.028.325	24.589.347.075	5.950.231.838	340.776.121.827
Tăng trong kỳ	-	15.827.884.880	669.000.000	133.260.000	16.630.144.880
Số dư cuối kỳ	74.745.514.589	251.318.913.205	25.258.347.075	6.083.491.838	357.406.266.707
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu kỳ	54.879.814.090	178.675.557.557	16.477.494.467	5.921.883.782	255.954.749.896
Khấu hao trong kỳ	1.373.681.289	9.151.646.160	1.724.983.643	10.207.068	12.260.518.160
Số dư cuối kỳ	56.253.495.379	187.827.203.717	18.202.478.110	5.932.090.850	268.215.268.056
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu kỳ	19.865.700.499	56.815.470.768	8.111.852.608	28.348.056	84.821.371.931
Tại ngày cuối kỳ	18.492.019.210	63.491.709.488	7.055.868.965	151.400.988	89.190.998.651

Nguyên giá của tài sản cố định tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với số tiền là 167.704.619.746 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 160.021.330.478 VND).

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 22, tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, giá trị còn lại của tài sản cố định được dùng để thế chấp cho các khoản vay là 14.577.058.265 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 17.003.827.000 VND).

Theo kế hoạch di dời toàn bộ tài sản, máy móc thiết bị từ nhà máy cũ tại Khu Công nghiệp Biên Hòa 1 sang nhà máy mới đang được xây dựng sang Khu Công nghiệp Long Đức vào cuối năm 2021, các tài sản cố định gắn liền với đất sẽ được chuyển đổi công năng để làm kho hoặc cho thuê trong tương lai.

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Số dư đầu kỳ	4.082.365.725
Số dư cuối kỳ	4.082.365.725
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Số dư đầu kỳ	2.351.572.980
Khấu hao trong kỳ	229.967.293
Số dư cuối kỳ	2.581.540.273
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày đầu kỳ	1.730.792.745
Tại ngày cuối kỳ	1.500.825.452

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với số tiền là 1.763.634.725 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 1.763.634.725 VND).

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Chi phí xây dựng nhà máy mới tại Khu Công nghiệp Long Đức (i)	18.210.559.604	15.376.783.806
Dự án triển khai hệ thống ERP	15.465.492.650	8.907.242.650
	<b>33.676.052.254</b>	<b>24.284.026.456</b>

- (i) Dự án xây dựng nhà máy mới tại Khu Công nghiệp Long Đức đang được triển khai bởi Công ty Cổ phần Xây dựng Kinex Việt Nam với giá trị hợp đồng trọn gói là khoảng 253 tỷ VND.

Toàn bộ tài sản gắn liền với đất, các lợi ích hợp pháp của Công ty phát sinh từ đất tại Khu Công nghiệp Long Đức được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho 5.500 trái phiếu thường mệnh giá 100.000.000 VND/trái phiếu mà Công ty phát hành cho Ngân hàng TMCP Tiên Phong nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Chi tiết xem tại Thuyết minh số 24.



15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

			Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con						
Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị điện Đông Anh	285.469.200.000	-	(ii)	285.469.200.000	-	(ii)
Đầu tư vào công ty liên kết						
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty Cổ phần (i)	465.547.059.645	-	736.020.467.000	465.547.059.645	-	970.576.440.000
	<u>751.016.259.645</u>	<u>-</u>	<u>736.020.467.000</u>	<u>751.016.259.645</u>	<u>-</u>	<u>970.576.440.000</u>

- (i) Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 cần được trình bày. Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty liên kết là Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty Cổ phần trên cơ sở giá niêm yết của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.
- (ii) Đối với khoản đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị điện Đông Anh, do công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào công ty này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn cho khoản đầu tư vào công ty này đang được ước tính theo báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Tình hình hoạt động của các công ty trong kỳ như sau:

	Kết quả hoạt động kinh doanh kỳ này	Kết quả hoạt động kinh doanh kỳ trước
Đầu tư vào công ty con		
Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị điện Đông Anh	Có lãi	Có lãi
Đầu tư vào công ty liên kết		
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty Cổ phần	Có lãi	Có lãi

16. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Chi phí thuê đất Sonadezi	704.257.248	715.802.449
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	640.973.425
Chi phí phải trả	-	64.000.000
Chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị định 68	1.577.489.460	-
	<u>2.281.746.708</u>	<u>1.420.775.874</u>

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Giá trị	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
		VND		VND	
		Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị
a. Phải trả người bán ngắn hạn					
Công ty Cổ phần Ngô Han	97.809.663.246	97.809.663.246	74.905.879.551	74.905.879.551	
Các đối tượng khác	67.783.286.873	67.783.286.873	75.352.360.916	75.352.360.916	
	<b>165.592.950.119</b>	<b>165.592.950.119</b>	<b>150.258.240.467</b>	<b>150.258.240.467</b>	
b. Phải trả các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 36)	394.101.297.556	394.101.297.556	178.661.439.662	178.661.439.662	
	<b>394.101.297.556</b>	<b>394.101.297.556</b>	<b>178.661.439.662</b>	<b>178.661.439.662</b>	
c. Tổng cộng	559.694.247.675	559.694.247.675	328.919.680.129	328.919.680.129	

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND		VND	
a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Công ty Cổ phần SCI E&C		106.183.011.221		30.954.802.949
Tổng Công ty Điện Lực TP. Hồ Chí Minh		8.920.074.499		-
Nhận ứng trước từ đối tượng khác		23.548.583.037		14.902.857.473
		<b>138.651.668.757</b>		<b>45.857.660.422</b>
b. Nhận ứng trước từ bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 36)		586.824.480		-
		<b>586.824.480</b>		-
c. Tổng cộng		139.238.493.237		45.857.660.422

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ		Số cuối kỳ	
	VND		VND	
	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.939.543.897	8.939.543.897	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	4.922.686.385	4.922.686.385
	<b>8.939.543.897</b>	<b>8.939.543.897</b>	<b>4.922.686.385</b>	<b>4.922.686.385</b>
b. Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	3.368.505.686	-	3.368.505.686	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	204.853.507	204.853.507	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	5.303.105.489	-	5.303.105.489
Thuế thu nhập cá nhân	760.719.441	5.558.824.582	6.180.762.265	138.781.758
	<b>4.129.225.127</b>	<b>11.066.783.578</b>	<b>9.754.121.458</b>	<b>5.441.887.247</b>

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Chi phí lãi vay	9.210.000.000	15.440.469.111
Chi phí hoa hồng	707.340.681	4.876.487.974
Các khoản chi phí phải trả khác	22.320.936	3.493.339.440
	<u>9.939.661.617</u>	<u>23.810.296.525</u>

21. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Cổ tức phải trả	2.261.026.869	2.284.214.369
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.146.646.276	1.418.937.855
	<u>3.407.673.145</u>	<u>3.703.152.224</u>

22. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu kỳ		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh Khu Công nghiệp Biên Hòa (i)	629.132.840.390	629.132.840.390	984.907.029.688	787.437.106.535	826.602.763.543	826.602.763.543
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đồng Nai (ii)	196.985.087.946	196.985.087.946	462.930.908.301	236.521.839.793	423.394.156.454	423.394.156.454
Ngân hàng Malaysian Banking Berhad - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (iii)	219.371.856.949	219.371.856.949	315.186.178.312	298.533.449.347	236.024.585.914	236.024.585.914
Ngân hàng TNHH Chinatrust Commercial - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (iv)	132.480.479.816	132.480.479.816	116.568.296.855	141.930.614.539	107.118.162.132	107.118.162.132
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (v)	32.957.886.964	32.957.886.964	75.972.309.097	63.113.674.141	45.816.521.920	45.816.521.920
Ngân hàng Bank SinoPac Việt Nam (v)	-	-	14.249.337.123	-	14.249.337.123	14.249.337.123
Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa	47.337.528.715	47.337.528.715	-	47.337.528.715	-	-
Trái phiếu đến kỳ hạn	110.000.000.000	110.000.000.000	328.410.808.083	140.000.000.000	298.410.808.083	298.410.808.083
(xem Thuyết minh số 25)						
	<b>739.132.840.390</b>	<b>739.132.840.390</b>	<b>1.313.317.837.771</b>	<b>927.437.106.535</b>	<b>1.125.013.571.626</b>	<b>1.125.013.571.626</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, vay ngắn hạn thể hiện:

- (i) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Biên Hòa với hạn mức 500.000.000.000 VND theo Hợp đồng tín dụng số 04.11/2020-HĐCVHM/NHCT682-TBD ngày 09 tháng 12 năm 2020. Thời gian duy trì hạn mức kể từ ngày 09 tháng 12 năm 2020 đến hết ngày 09 tháng 12 năm 2021. Khoản vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng. Lãi suất được ghi trên Giấy nhận nợ và có giá trị từ thời điểm giải ngân cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất. Lãi vay sẽ được trả vào ngày 25 hàng tháng. Khoản cấp tín dụng được đảm bảo bằng các tài sản theo hợp đồng thế chấp đi kèm, bao gồm toàn bộ hàng tồn kho và một số tài sản cố định và phương tiện vận tải. (Như trình bày tại các Thuyết minh số 10 và số 12).
- (ii) Khoản vay không có tài sản đảm bảo từ Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đồng Nai với hạn mức 450.000.000.000 VND theo Hợp đồng tín dụng số 73619.20.720.2325497 ngày 22 tháng 12 năm 2020. Thời gian duy trì hạn mức kể từ ngày 22 tháng 12 năm 2020 đến hết ngày 22 tháng 12 năm 2021. Khoản vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu vốn nhằm thực hiện Hợp đồng số 302/2020/HĐTC/SCIECTHIBIDI giữa Công ty và Công ty SCI E&C. Thời hạn cho vay của

từng khoản nợ được ghi trên Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 5 tháng. Lãi suất được ghi trên giấy nhận nợ và có giá trị từ thời điểm giải ngân cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất. Lãi vay sẽ được trả vào ngày 25 hàng tháng.

- (iii) Khoản vay không có tài sản đảm bảo từ Ngân hàng Maybank - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với hạn mức 6.500.000 USD (tương đương 150.280.000.000 VND) theo Hợp đồng tín dụng số MBB/HCMC/SLO/2020/THIBID/88 ngày 28 tháng 10 năm 2020. Thời gian duy trì hạn mức kể từ ngày 28 tháng 10 năm 2020 đến hết ngày 28 tháng 10 năm 2021. Khoản vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng. Lãi suất được ghi trên Giấy nhận nợ và có giá trị từ thời điểm giải ngân cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất. Lãi vay sẽ được trả vào ngày 25 hàng tháng.
- (iv) Khoản vay từ Ngân hàng TNHH Chinatrust Commercial - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với hạn mức 5.000.000 USD theo Hợp đồng tín dụng số STVN1704-02 ngày 09 tháng 03 năm 2020. Thời gian duy trì hạn mức kể từ ngày 09 tháng 03 năm 2020 đến hết ngày 09 tháng 03 năm 2022. Hợp đồng này sau khi đến thời gian đáo hạn sẽ tự động gia hạn thêm 1 năm nếu không có thỏa thuận khác giữa THIBIDI và ngân hàng. Khoản vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng. Lãi suất được ghi trên Giấy nhận nợ và có giá trị từ thời điểm giải ngân cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất. Lãi vay sẽ được trả vào ngày 22 hàng tháng. Khoản cấp tín dụng được đảm bảo bằng khoản phải thu trị giá 5.000.000 USD. (Trình bày tại Thuyết minh số 06)
- (v) Khoản vay không có tài sản đảm bảo từ Ngân hàng Bank SinoPac Việt Nam với hạn mức 2.500.000 USD (tương đương 57.800.000.000 VND) theo Hợp đồng tín dụng số 211005 ngày 24 tháng 05 năm 2021. Thời gian duy trì hạn mức kể từ ngày 24 tháng 05 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 01 năm 2022. Khoản vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng. Lãi suất được ghi trên Giấy nhận nợ và có giá trị từ thời điểm giải ngân cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất. Lãi vay sẽ được trả vào ngày 26 hàng tháng.

#### **DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

Dự phòng phải trả ngắn hạn phản ánh nghĩa vụ bảo hành mà Công ty phải thực hiện theo các điều khoản liên quan của hợp đồng bán các sản phẩm máy biến áp trong thời gian 12 tháng.

23. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số đầu kỳ		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Trái phiếu phát hành cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	440.000.000.000	440.000.000.000	-	140.000.000.000	300.000.000.000	300.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(2.781.085.857)	(2.781.085.857)	-	1.191.893.940	(1.589.191.917)	(1.589.191.917)
	<b>437.218.914.143</b>	<b>437.218.914.143</b>	-	<b>141.191.893.940</b>	<b>298.410.808.083</b>	<b>298.410.808.083</b>

Trong đó:

- Số phải trả trong vòng 12 tháng	110.000.000.000	110.000.000.000			298.410.808.083	298.410.808.083
- Số phải trả sau 12 tháng	327.218.914.143	327.218.914.143			-	-

Trái phiếu dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 thể hiện 5.500 trái phiếu thường với mệnh giá 100.000.000 VND/trái phiếu mà Công ty phát hành cho bên đơn vị phát hành trái phiếu, đại lý lưu ký trái phiếu, Ngân hàng TMCP Tiên Phong nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Trái phiếu có kỳ hạn ba năm, được hoàn trả vào ngày 01 tháng 3 năm 2022 và đảm bảo thanh toán bởi:

- Toàn bộ tài sản gắn liền với đất, các lợi ích hợp pháp của Công ty phát sinh từ đất tại xã Long Đức, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai diện tích 46.413,2 m<sup>2</sup> (Thuyết minh số 14); và
- 19.500.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam, sở hữu bởi Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Thiết bị điện Gelex.

Thông tin chi tiết về khoản trái phiếu phát hành như sau:

	Giá trị (VND)	Lãi suất	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá	300.000.000.000	Kỳ tính lãi đầu tiên là 10,5%/năm. Ba kỳ tính lãi tiếp theo bằng tổng lãi tham chiếu cộng (+) biên độ 3,5%/năm, tối đa không vượt quá 10,5%/năm. Sau đó, lãi suất trái phiếu bằng tổng lãi suất tham chiếu (+) biên độ 3,5%/năm.	Kỳ hạn 3 năm. Kỳ hạn 3 năm. Gốc trái phiếu được trả lần lượt theo tỷ lệ 20%, 20% và 60% cho từng thời điểm tròn 12 tháng, 24 tháng kể từ ngày phát hành và ngày đáo hạn. Lãi suất được trả định kỳ 6 tháng.	Kỳ hạn 3 năm. Kỳ hạn 3 năm. Gốc trái phiếu được trả lần lượt theo tỷ lệ 20%, 20% và 60% cho từng thời điểm tròn 12 tháng, 24 tháng kể từ ngày phát hành và ngày đáo hạn. Lãi suất được trả định kỳ 6 tháng.
Chi phí phát	(1.589.191.917)			
	<b>298.410.808.083</b>			
			(2.781.085.857)	
			<b>437.218.914.143</b>	

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	488.000.000.000	355.386.860.247	(224.441.613.184)	72.362.153.403	407.915.869.099	1.099.223.269.565
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	147.672.560.341	147.672.560.341
Chia cổ tức	-	-	-	-	(44.000.000.000)	(44.000.000.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(4.682.492.492)	(4.682.492.492)
Số dư cuối năm trước	488.000.000.000	355.386.860.247	(224.441.613.184)	72.362.153.403	506.905.936.948	1.198.213.337.414

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Số dư đầu kỳ này	488.000.000.000	355.386.860.247	(224.441.613.184)	72.362.153.403	506.905.936.948	1.198.213.337.414
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	50.780.977.588	50.780.977.588
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(8.473.888.742)	(8.473.888.742)
Số dư cuối kỳ này	488.000.000.000	355.386.860.247	(224.441.613.184)	72.362.153.403	549.213.025.794	1.240.520.426.260

Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông số 01/2021/NQ-ĐHCĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021, Đại hội cổ đông quyết định thông qua kế hoạch trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi với tỷ lệ là 3% lợi nhuận sau thuế của năm 2020, trích Quỹ thưởng Ban điều hành với tỷ lệ là 20% Lợi nhuận sau thuế hợp nhất vượt kế hoạch và chia cổ tức theo tỷ lệ 10% (1.000 VND/cổ phiếu đang lưu hành). Tính đến ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty chưa xác định ngày giao dịch không hưởng quyền nên Công ty chưa thực hiện chia cổ tức theo kế hoạch này.



**Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	48.800.000	48.800.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>48.800.000</i>	<i>48.800.000</i>
Số lượng cổ phiếu quỹ	4.800.000	4.800.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>4.800.000</i>	<i>4.800.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	44.000.000	44.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>44.000.000</i>	<i>44.000.000</i>

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 3600253826 cấp lần đầu ngày 06 tháng 12 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 23 tháng 4 năm 2021, vốn điều lệ của Công ty là 488.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, vốn điều lệ đã được các chủ sở hữu góp đủ như sau:

STT	Chủ sở hữu	Vốn đã góp			
		Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
		VND	%	VND	%
1	Công ty Cổ phần Thiết bị điện Gelex	394.645.990.000	81%	394.645.990.000	81%
2	Các cổ đông khác	45.354.010.000	9%	45.354.010.000	9%
		<b>440.000.000.000</b>	<b>90%</b>	<b>440.000.000.000</b>	<b>90%</b>
	Cổ phiếu quỹ	48.000.000.000	10%	48.000.000.000	10%
		<b>488.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>488.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Tài sản thuê ngoài**

Các khoản thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê văn phòng làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh và thuê kho bãi, thuê đất làm nhà xưởng của Công ty tại Khu Công nghiệp Biên Hòa 1 và Khu Công nghiệp Long Đức. Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	4.223.875.468	4.330.534.956
Trên 1 năm đến 5 năm	7.313.876.872	10.654.064.824
Trên 5 năm	48.871.586.107	68.832.062.461
	<b>60.409.338.447</b>	<b>83.816.662.241</b>

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	USD	USD
Ngoại tệ		
Đô la Mỹ	138.789,48	113.441,45
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý		
Công ty TNHH Xây dựng Hải Long	2.511.834.934	2.511.834.934
Công ty TNHH Xây lắp điện Long Vân	1.103.578.504	1.103.578.504
Công ty TNHH Phương Nam- Trà Vinh	345.595.985	345.595.985
Công ty TNHH Linh Khôi	344.746.741	344.746.741
Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Xây dựng điện Tân Trường Thọ	281.722.300	281.722.300
Công ty TNHH Xây dựng điện Liên Đạt	211.284.850	211.284.850
Công ty TNHH Xây dựng và Xây lắp điện Tiến An	77.269.560	77.269.560
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	Cái	Cái
Tài sản nhận giữ hộ		
Máy biến áp	31	129

**26. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh máy biến áp và thiết bị điện. Đồng thời, trong kỳ, Công ty không có hoạt động sản xuất kinh doanh nào khác trọng yếu. Rủi ro và tỷ suất lợi nhuận của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty bán ra. Vì vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh. Các thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 đều liên quan đến hoạt động sản xuất và kinh doanh máy biến áp, thiết bị điện. Doanh thu, giá vốn theo từng hoạt động kinh doanh được trình bày tại các Thuyết minh số 28 và số 29.

**Bộ phận theo lĩnh vực địa lý**

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý nào ngoài Việt Nam.

27. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán hàng	886.846.485.895	944.694.883.279
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.968.910.594	1.209.047.539
Doanh thu khác	47.276.705.394	-
	<b>939.092.101.883</b>	<b>945.903.930.818</b>
Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 36)	83.828.298.105	137.746.064.117

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn hàng bán	753.049.679.085	787.517.532.733
Giá vốn của dịch vụ	765.550.903	788.452.100
Giá vốn khác	47.276.705.394	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.204.867.127)	-
	<b>797.887.068.255</b>	<b>788.305.984.833</b>

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên vật liệu	766.966.161.887	657.853.636.770
Chi phí nhân công	84.236.602.656	65.218.109.124
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.490.485.453	10.869.722.806
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.408.884.546	12.677.239.711
Hoàn nhập dự phòng	(4.302.094.312)	(747.899.275)
Chi phí khác	42.670.905.371	36.534.645.450
	<b>923.470.945.601</b>	<b>782.405.454.586</b>

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	276.072.280	653.751.984
Lãi đầu tư chứng khoán kinh doanh	1.454.279.849	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	11.384.717	-
	<b>1.741.736.846</b>	<b>653.751.984</b>

**31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay	32.883.786.675	46.430.270.024
Chi phí phát hành trái phiếu	1.191.893.940	1.191.893.940
Lỗ chênh lệch tỷ giá	406.421.262	69.725.245
	<b>34.482.101.877</b>	<b>47.691.889.209</b>

**32. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên	10.247.938.511	8.835.882.716
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.870.924.937	8.583.418.590
Chi phí hoa hồng	7.776.132.673	7.771.306.857
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.329.176.020	1.315.666.486
Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm	(1.097.227.185)	(2.437.475.782)
Chi phí bán hàng khác bằng tiền	5.834.631.157	3.637.658.721
	<b>35.961.576.113</b>	<b>27.706.457.588</b>
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên	18.844.664.031	14.199.451.088
Dự phòng phải thu khó đòi	-	1.754.004.598
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.548.342.133	1.620.834.749
Chi phí khấu hao tài sản cố định	810.636.822	825.215.810
Chi phí khác bằng tiền	11.996.759.042	12.726.277.490
	<b>35.200.402.028</b>	<b>31.125.783.735</b>

**33. THU NHẬP KHÁC**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu nhập từ chuyển nhượng Quyền sử dụng đất	26.322.102.689	-
Thu từ thanh lý Tài sản cố định	-	280.833.741
Các khoản khác	547.390.269	151.319.054
	<b>26.869.492.958</b>	<b>432.152.795</b>
Trong đó: Thu nhập khác với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 36)	26.322.102.689	-

34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	14.242.649.386	9.878.369.062
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này (i)	-	(4.465.556.654)
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>14.242.649.386</b>	<b>5.412.812.408</b>

- (i) Thể hiện giá trị chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp điều chỉnh lại của năm 2019 theo Nghị định 68/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2020 về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>64.162.656.140</b>	<b>51.871.106.410</b>
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	7.050.590.791	(2.479.261.100)
Trừ: Các chi phí được khấu trừ	(3.582.593.131)	(17.026.615.168)
<i>Chi phí trích trước</i>	<i>(3.524.867.127)</i>	<i>(16.968.889.164)</i>
<i>Chi phí phân bổ tiền thuê đất Sonadezi</i>	<i>(57.726.004)</i>	<i>(57.726.004)</i>
Cộng: Các chi phí không được trừ	10.633.183.922	14.547.354.068
<i>Chi phí lãi vay vượt 30% EBITDA</i>	<i>7.887.447.304</i>	<i>13.264.375.555</i>
<i>Chi phí không được trừ khác</i>	<i>2.745.736.618</i>	<i>1.282.978.513</i>
<b>Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành</b>	<b>71.213.246.931</b>	<b>49.391.845.310</b>
<i>Thu nhập chịu thuế suất thông thường</i>	<i>71.213.246.931</i>	<i>49.391.845.310</i>
<i>Thuế suất thông thường</i>	<i>20%</i>	<i>20%</i>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành</b>	<b>14.242.649.386</b>	<b>9.878.369.062</b>

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	(860.970.834)	3.405.323.034
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>(860.970.834)</b>	<b>3.405.323.034</b>

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

*Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:*

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Gelex	Công ty mẹ cấp cao nhất
Công ty Cổ phần Thiết bị điện Gelex	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị điện Đông Anh	Công ty con
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh- Công ty Cổ phần	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Sản Xuất Thiết bị Lưới điện G-POWER	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	Công ty trong cùng Tập đoàn
Ông Phạm Ngọc Bích	Thành viên Ban Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Mỹ	Thành viên Ban Tổng Giám đốc

*Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Bán hàng</b>		
Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị điện Đông Anh	77.307.253.550	47.204.971.351
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	6.521.044.555	405.536.000
Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	-	6.780.117.365
Công ty TNHH Sản Xuất Thiết Bị Lưới Điện G-POWER	-	83.355.439.401
	<b>83.828.298.105</b>	<b>137.746.064.117</b>
<b>Mua hàng</b>		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Gelex	442.080.398.974	266.346.575.225
Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị điện Đông Anh	48.896.760.000	-
Công ty Cổ phần Thiết bị điện Gelex	42.239.767.186	81.533.108.323
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	36.659.638.365	76.158.790.900
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty Cổ phần	6.739.300.000	2.972.280.000
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	2.681.350.628	14.556.034.921
Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai	188.914.890	52.728.765.607
Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	-	4.375.501.005
	<b>579.486.130.043</b>	<b>498.671.055.981</b>
	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Thu nhập khác</b>		
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	26.322.102.689	-
	<b>26.322.102.689</b>	<b>-</b>

*Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ hoạt động:*

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị điện Đông Anh	21.419.374.134	10.807.195.176
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	2.895.431.620	-
Công ty TNHH Sản xuất Thiết bị lưới điện G- Power	-	31.849.308.416
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	-	4.872.344.400
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	-	103.400.000
	<b>24.314.805.754</b>	<b>47.632.247.992</b>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị điện Đông Anh	-	15.947.217.000
	-	<b>15.947.217.000</b>
<b>Tạm ứng nhân viên</b>		
Ông Phạm Ngọc Bích	1.000.000.000	1.000.000.000
Ông Nguyễn Thế Mỹ	100.000.000	-
	<b>1.100.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>
	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Gelex	325.994.837.568	120.776.361.797
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	28.780.671.734	26.196.220.780
Công ty Cổ phần Thiết bị điện Gelex	22.197.957.883	24.011.223.070
Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị điện Đông Anh	14.232.644.600	348.198.400
Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	1.845.532.914	6.745.597.314
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	1.049.652.857	583.838.301
	<b>394.101.297.556</b>	<b>178.661.439.662</b>
<b>Người mua trả tiền trước</b>		
Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	586.824.480	-
	<b>586.824.480</b>	-

*Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:*

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	4.009.870.824	4.092.461.300
	<b>4.009.870.824</b>	<b>4.092.461.300</b>

36. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm 357.500.000 VND (2020: 11.304.203.965 VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong kỳ mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Nguyễn Thị Thùy Nhung  
Người lập biểu

Nguyễn Văn Hiếu  
Kế toán trưởng

Phan Ngọc Thảo  
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2021

